

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 11 và 11 tháng năm 2018

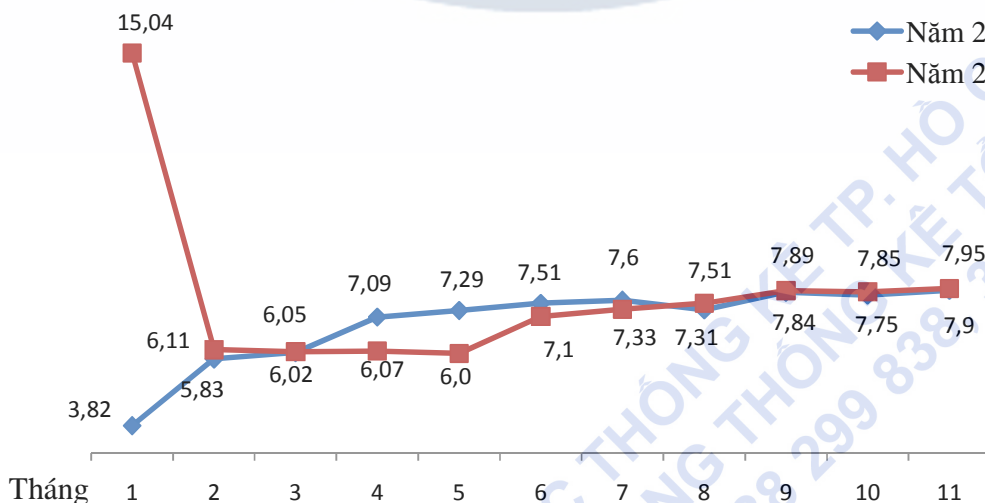
A. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

I. CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 11/2018 tăng 2,16% so với tháng trước. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,7%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 3,33%; ngành cung cấp và xử lý rác thải giảm 2,98% và ngành khai khoáng tiếp tục giảm 38,72%. Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 9,19% so với tháng cùng kỳ.

Tính chung 11 tháng đầu năm, **chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 7,95% so với cùng kỳ năm trước**, cao hơn mức tăng của 11 tháng đầu năm 2017 (mức tăng của năm 2017: +7,9%). Trong đó, ngành khai khoáng tiếp tục giảm 2,95% do hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác giảm mạnh; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo duy trì mức tăng trưởng khá, là ngành có đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng chung của toàn ngành với mức tăng 8,07%; sản xuất và phân phối điện tăng 7,41%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 6,05%.

Đồ thị chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) - %
(Cộng dồn đến tháng báo cáo)



Trong các ngành công nghiệp cấp 2, hầu hết đều có chỉ số sản xuất công nghiệp tăng so với cùng kỳ, cụ thể có 24/30 ngành tăng so với cùng kỳ năm trước, đóng góp vào tăng trưởng chung của toàn ngành. Trong đó, một số **ngành có chỉ số sản xuất tăng cao trên 10%** như: sản xuất giấy (+46,5%); sản xuất phương tiện vận tải (+21,77%); sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (+20,4%); sản xuất sản phẩm điện tử (+16,05%); dệt (13,91%); sản xuất thiết bị điện (+13,08%); trang phục (+11,75%). Một số ngành khác cũng duy trì mức tăng trưởng khá như: chế biến thực phẩm (+8,64%); sản xuất và phân phối điện (+7,41%); da (+7,04%); xử lý và cung cấp nước (+6,86%); sản xuất thuốc lá (+6,75%)... Tuy nhiên, **một số ngành chỉ số sản xuất có xu hướng giảm** làm ảnh hưởng đến tốc độ chung của toàn ngành công nghiệp như: sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (-3,03%); sản xuất xe có động cơ (-9,6%); chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ (-14,84%).

Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu

	Đơn vị tính: %	
	Tháng 11/2018 so với tháng 10/2018	11 tháng so với cùng kỳ
Tổng số	102,16	107,95
<i>Chia theo ngành cấp 1</i>		
1. Công nghiệp khai khoáng	61,28	97,05
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	102,70	108,07
3. SX và phân phối điện	103,33	107,41
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	97,02	106,05
<i>Một số ngành chủ yếu</i>		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	108,89	108,64
2. Sản xuất đồ uống	101,18	104,46
3. Sản xuất trang phục	104,54	111,75
4. Sản xuất da và SP liên quan	102,87	107,04
5. SX hóa chất và SP hóa chất	106,32	100,36
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	107,01	106,49
7. SP. từ khoáng phi kim loại	109,52	100,81
8. Sản xuất SP điện tử	95,90	116,05
9. Sản xuất thiết bị điện	93,70	113,08
10. Sản xuất xe có động cơ	100,66	90,40

Về 4 ngành công nghiệp trọng điểm: Thành phố đã tập trung nguồn lực tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, tạo nguồn vốn, mặt bằng và các chương trình hỗ trợ thiết thực như cải cách hành chính, vốn vay ngân hàng, cải thiện môi trường kinh doanh, môi trường đầu tư... Chỉ số sản xuất công nghiệp của 4 ngành công nghiệp trọng điểm ước tháng 11 tăng 2,89% so với tháng trước; tăng 6,69% so với tháng cùng

kỳ. Tính chung 11 tháng đầu năm, chỉ số sản xuất công nghiệp của 4 ngành công nghiệp trọng điểm tăng **7,33%** so với cùng kỳ, cụ thể như sau:

Chỉ số sản xuất của 4 ngành công nghiệp trọng điểm

	Đơn vị tính: %	
	Tháng 11 so so tháng 10	11 tháng so với cùng kỳ
Tổng số	102,89	107,33
A-Ngành chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống	106,08	107,11
10-Sản xuất chế biến thực phẩm	108,89	108,64
11-Sản xuất đồ uống	101,18	104,46
B-Ngành hóa dược	106,21	102,63
20-Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	106,32	100,36
21-Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	103,55	96,97
22-Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	107,01	106,49
C-Ngành sản xuất hàng điện tử	95,90	116,05
26-Sản xuất SP. điện tử, máy vi tính và SP quang học	95,90	116,05
D-Nhóm ngành cơ khí	99,60	107,67
25-Sản xuất SP từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	103,13	108,42
27-Sản xuất thiết bị điện	93,70	113,08
28-Sản xuất máy móc, thiết bị chưa phân vào đâu	103,54	112,25
29-Sản xuất xe có động cơ	100,66	90,40
30-Sản xuất phương tiện vận tải khác	93,17	121,77

– Ngành chế biến lương thực thực phẩm, đồ uống có mức tăng đều và ổn định ở mức 7,11%, trong đó sản xuất sữa và các sản phẩm từ sữa; sản xuất sản phẩm mì, phở, bún, miến cháo ăn liền tăng cao.

– Ngành hóa dược tăng 2,63% so với cùng kỳ.

– Ngành cơ khí tăng 7,67%, là ngành có tốc độ tăng khá chỉ xếp sau ngành sản xuất hàng điện tử, nhờ vào nhu cầu thị trường ngày càng tăng, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong nước ngày càng thiết thực, hiệu quả đã thúc đẩy doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư, mở rộng sản xuất.

– Ngành sản xuất hàng điện tử tăng 16,05%, là ngành có chỉ số sản xuất tăng cao nhất do có thị trường tiêu thụ ổn định và các doanh nghiệp thường xuyên ứng dụng các công nghệ mới, hiện đại. Trong đó nổi bật là những loại sản phẩm điện tử sử dụng chip thương hiệu Việt (bo mạch điều khiển chiếu sáng đường, khóa xe container...) và một số sản phẩm đầu cuối đã được đưa vào sản xuất đại trà được các công ty khu công nghệ cao của thành phố thực hiện.

Về 2 ngành công nghiệp truyền thông¹: Trong thời gian gần đây doanh nghiệp đã quan tâm nhiều đến khâu thiết kế, may mẫu và chào hàng, xây dựng chuỗi kết nối dệt – nhuộm – may để cung ứng cho nhau, giảm nhập khẩu nguyên liệu. Ngoài ra, các doanh nghiệp tự tái cơ cấu, nâng cao chất lượng và tính chuyên

¹ Gồm: sản xuất trang phục (ngành may); ngành sản xuất da và sản phẩm liên quan (thuộc da, vali, túi xách, giày dép da)

nghiệp, giảm dần việc nhập nguyên liệu và đã xuất được nguyên vật liệu vào một số nước làm cho ngành dệt, may da giày tăng trưởng trở lại. Trong những tháng gần đây doanh nghiệp đã tìm được những đơn hàng lớn xuất khẩu ra nước ngoài.

Tính chung 11 tháng đầu năm, chỉ số sản xuất công nghiệp của 2 ngành truyền thống tăng 10,27% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành dệt tăng 13,91%, ngành da giày tăng 7,04%, ngành may trang phục tăng 11,75%.

Về sản phẩm công nghiệp, đa số các sản phẩm chủ yếu sản xuất trong 11 tháng đầu năm đều tăng so với cùng kỳ. Những sản phẩm tăng cao: tivi đạt 8.916,42 nghìn cái, tăng 32,06%; sắt thép đạt 322,97 nghìn tấn, tăng 28,69%; vải đạt 611,10 triệu m², tăng 18,23%; quần áo đạt 933,98 triệu cái, tăng 10,94%; sổ sách và sản phẩm bằng giấy đạt 68,74 nghìn tấn, tăng 10,01%...

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tháng 11 giảm 2,61% so tháng trước, tăng 3,63% so với tháng cùng kỳ. Tính chung 11 tháng đầu năm chỉ số tiêu thụ tăng 8,21% so với cùng kỳ, những ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao như: sản xuất giấy; sản xuất phương tiện vận tải; sản xuất kim loại; sản xuất sản phẩm điện tử; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; dệt;...

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 1/11 tăng 12,63% so với tháng trước và tăng 14,28% so với cùng kỳ. Ngành có chỉ số tồn kho tăng như sản xuất chế biến thực phẩm; sản xuất da; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; sản xuất thiết bị điện; sản xuất thuốc lá... Bên cạnh đó có một số ngành giảm như in; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại; sản xuất kim loại; sản xuất thuốc, hóa dược...

II. NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

Thành phố đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp, tiếp tục theo hướng nông nghiệp đô thị, sản phẩm cây trồng, vật nuôi đạt năng suất cao, an toàn và hiệu quả. Đồng thời, xây dựng và thực hiện nhiều chương trình, đề án, kế hoạch phát triển nông nghiệp giai đoạn 2016 – 2020.

1. Nông nghiệp

1.1. Trồng trọt:

Theo kết quả điều tra sơ bộ vụ mùa năm 2018, tổng diện tích gieo trồng ước đạt 10.789,3 ha, giảm 7,4% so cùng kỳ năm trước. Trong đó:

+ Diện tích lúa đạt 6.489,5 ha, giảm 15,1%, nguyên nhân chủ yếu là do chuyển đổi cơ cấu sang cây trồng có giá trị kinh tế cao hơn. Diện tích gieo trồng lúa mùa giảm tại các huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Quận 9, trong đó diện tích lúa mùa tại Củ Chi giảm 604,4 ha.

+ Năng suất lúa đạt 43,5 tạ/ha, tăng 2,6%, sản lượng lúa ước đạt 9.590,5 tấn, giảm 9,7% so với cùng kỳ.

+ Diện tích rau các loại ước đạt 2.559,2 ha, tăng 4,6%; đậu phộng 37,9 ha, tăng 12,4%; mía trồng mới 169,7 ha, giảm 37,8%.

Sơ bộ kết quả vụ mùa năm 2018

	Vụ mùa 2018			% so với vụ mùa 2017		
	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích	Năng suất	Sản lượng
Tổng số	10.789,3			92,6		
Lúa	6.489,5	43,5	9.590,5	84,9	102,6	111,7
Bắp	54,5	29,8	162,3	153,1	102,4	156,8
Rau	2.559,2	294,7	75.412,8	104,6	106,4	111,3
Đậu phộng	37,9	26,7	101,2	112,4	102,3	115,0
Mía trồng mới	169,7	-	-	62,2	-	-

Tính đến ngày 15/11/2018, diện tích lúa đông xuân gieo cấy ước đạt 203 ha, tăng 37,2% so với tiến độ gieo trồng cùng kỳ năm trước.

Tình hình sinh vật gây hại: diện tích nhiễm sinh vật hại trong tháng trên lúa là 887,5 ha, giảm 23,1% so với cùng kỳ; trên rau là 543,2 ha, tăng 6,3%. Các cơ quan chức năng và người trồng trọt đã kịp thời phòng trị và điều trị, nên tỉ lệ sâu bệnh ở mức nhẹ.

Chương trình phát triển rau an toàn: Tiếp tục triển khai xây dựng cánh đồng sản xuất rau muống nước theo quy trình VietGAP tại 2 xã (Nhị Bình, huyện Hóc Môn: 79 ha/200 hộ và Bình Mỹ, huyện Củ Chi: 317 ha/320 hộ).

Triển khai nhân rộng dán tem truy xuất nguồn gốc rau củ quả VietGAP tại 7 hợp tác xã nông nghiệp: Phước An, Phú Lộc, Mai Hoa, Ngã 3 Giồng, Phước Bình, Năm Việt và Liên tổ Rau an toàn Tân Trung. Sản phẩm rau quản lý truy xuất nguồn gốc đạt khoảng 15 tấn/ngày và được bày bán trên 50 điểm bán tại các hệ thống siêu thị Saigon Co.op, siêu thị Big C, siêu thị Lotte và siêu thị AEON.

Từ đầu năm đến nay, Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp đã đánh giá và cấp chứng nhận cho 196 cơ sở sản xuất rau, quả với tổng diện tích canh tác là 390,2 ha. Tổng số cơ sở đã được chứng nhận VietGAP còn hạn là 438 cơ sở với 640,7 ha diện tích canh tác.

1.2. Chăn nuôi:

Theo kết quả điều tra chăn nuôi tại thời điểm 1/10/2018:

+ Đàn trâu có 4.748 con, giảm 11,7% so với cùng kỳ.

+ Đàn bò có 123.767 con, giảm 1% (bò sữa 81.280 con, chiếm 65,6%, giảm 3,7%). Hiện nay, đàn bò sữa của Thành phố tiếp tục giảm do quá trình tái cơ cấu tổng đàn và tình hình chăn nuôi bò sữa trên địa bàn gặp nhiều khó khăn do giá sữa thu mua giảm, bên cạnh đó tiêu chuẩn chất lượng sữa thu mua tăng lên so với thời gian trước dẫn đến có nhiều sữa không đạt yêu cầu, trong khi chi phí thức ăn càng ngày càng tăng dẫn đến hiệu quả của hộ chăn nuôi bò sữa giảm.

+ Đàn heo có 290.152 con (chưa tính heo sữa), giảm 16.315 con (giảm 4,2% so với cùng kỳ), Trong đó, đàn heo thịt có 244.680 con (chiếm 84,3%), đàn heo nái với 40.863 con (chiếm 14,1%) và 4.609 con heo đực giống (chiếm 1,6%). So cùng

kỳ năm trước, tổng đàn heo giảm, tuy nhiên hoạt động tái đàn đã quay trở lại khi giá thịt heo trên thị trường hiện đang dao động từ 52.000 -55.000 đồng/kg.

+ Đàn gà hiện có 318,7 ngàn con, giảm 25,2%, nuôi tập trung tại hộ gia công cho công ty CP và trang trại gà An Phú - Củ Chi thuộc Tổng Công Ty Nông Nghiệp Sài Gòn.

Tình hình chăn nuôi của Thành phố vẫn ổn định, tuy nhiên vẫn còn tồn tại những khó khăn: Giá sữa liên tục giảm, giá thức ăn chăn nuôi tiếp tục tăng, hiệu quả của người chăn nuôi không ổn định và còn nhiều bấp bênh.

Công tác phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, heo và gia cầm đang được Chi cục Thú Y theo dõi sát sao, trong đó đã tăng cường công tác phòng chống bệnh dịch tả heo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và tích cực phối hợp lực lượng các đoàn liên ngành tăng cường kiểm tra tình hình vận chuyển, giết mổ, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật trái phép.

Đề án nâng cao chất lượng đàn bò sữa: Trung tâm Giống cây trồng vật nuôi và thủy sản tiếp tục thực hiện Chương trình nhập nội, cải thiện chất lượng giống bò sữa, tiến hành cấp phát tinh có năng suất cao như Israel, phân ly giới tính, và vật tư cho các đơn vị tham gia chương trình.

Dự án trại thực nghiệm chăn nuôi bò sữa công nghệ cao Israel: Tổng đàn bò sữa hiện nay 204 con; trong đó, có 76 con cái vắt sữa, năng suất sữa bình quân đạt 24,5 kg/con/ngày (năng suất sữa bình quân hiện nay của đàn bò sữa thành phố 16,5 kg/con/ngày).

2. Lâm nghiệp: Trong tháng, Chi cục Kiểm lâm tổ chức 67 lượt tuần tra bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng, lũy kế 11 tháng có 932 lượt tuần tra; tổ chức kiểm tra 19 lượt gây nuôi động vật hoang dã, lũy kế 11 tháng 443 lượt; kiểm tra nguồn gốc lâm sản 178 cơ sở, doanh nghiệp (lũy kế 11 tháng 1.666 cơ sở, doanh nghiệp); xác nhận nguồn gốc lâm sản 820 hồ sơ (lũy kế 11 tháng 8.484 hồ sơ).

Tổng diện tích rừng trên địa bàn thành phố hiện nay là 36.592 ha. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 17,46%, tỷ lệ che phủ rừng và cây xanh là 40,16%.

3. Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 11 ước đạt 6.265 tấn, tăng 3,7% so tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng cá ước đạt 1.954,9 tấn, tăng 6,3% so tháng cùng kỳ năm trước; sản lượng tôm ước đạt 1.863,1 tấn, tăng 10,2% so tháng cùng kỳ năm trước; sản lượng thủy sản khác ước đạt 2.447 tấn, giảm 2,7% so tháng cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 11 tháng, sản lượng thủy sản ước đạt 55.990,7 tấn, tăng 3,2% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng cá ước đạt 18.426,6 tấn, tăng 2,4% so cùng kỳ năm trước; sản lượng tôm ước đạt 14.397,4 tấn, tăng 4,4% so cùng kỳ năm trước; sản lượng thủy sản khác ước đạt 23.166,7 tấn, tăng 3,2% so cùng kỳ năm trước.

Tình hình thả nuôi tôm: tính đến ngày 10/11, trên địa bàn có 438 lượt hộ thả nuôi tôm sú với 160,65 triệu con giống trên diện tích 3.416,52 ha, có 2.442 lượt hộ thả nuôi tôm thẻ chân trắng với 719,95 triệu con giống trên diện tích 1.884,54 ha.

Dịch bệnh trên tôm tại huyện Cần Giờ (chủ yếu bệnh đốm trắng) đang gây thiệt hại cho hộ nuôi tôm. Trong tháng không có hộ nuôi tôm bị bệnh. Tính từ đầu năm đến nay đã có 86 hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 64,48 ha, làm thiệt hại 21,11 triệu con giống. Có 28 hộ với 12,16 ha được xử lý dập bệnh bằng 3.120 kg thuốc của Quỹ phòng ngừa dịch bệnh, số còn lại hộ tự xử lý.

III. VỐN ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng

Vốn đầu tư XDCB và sửa chữa lớn trên địa bàn 11 tháng ước thực hiện 362.481,6 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 23,1%; so với kế hoạch năm đạt 92,3%.

Trong đó:

Vốn ngân sách Thành phố 23.165,6 tỷ đồng, tăng 18,5% so với cùng kỳ và đạt 64,6% kế hoạch năm (11 tháng cùng kỳ tăng 12,2%). Cấp Thành phố ước thực hiện 14.401,7 tỷ đồng, chiếm 62,2%; cấp quận huyện ước thực hiện 8.763,9 tỷ đồng, chiếm 37,8%.

Vốn đầu tư thuộc ngân sách Thành phố

	Ước thực hiện 11 tháng (tỷ đồng)	% thực hiện so với	
		Kế hoạch	Cùng kỳ năm 2017
Tổng vốn đầu tư	23.165,6	64,6	118,5
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	538,9	81,7	79,0
Cấp thành phố	14.401,7	60,5	132,4
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	515,3	81,1	123,2
Cấp quận huyện	8.763,9	70,2	110,3
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	23,6	96,8	8,9

Bước sang tháng 11, các dự án đang được đẩy nhanh tiến độ, cụ thể: tháng 11 ước thực hiện so với tháng trước tăng 19,4%, so với tháng cùng kỳ tăng 16,1%. Điển hình hình một số dự án lớn như:

+ Tuyến metro Bến Thành Suối Tiên, kế hoạch vốn năm 1.052,5 tỷ đồng, 11 tháng ước thực hiện 968 tỷ đồng;

+ Bờ tả sông Sài Gòn từ cầu Ngang đến khu đô thị mới Thủ Thiêm, kế hoạch vốn năm 158 tỷ đồng, 11 tháng ước đạt 162,1 tỷ đồng;

+ Xây dựng bệnh viện ung bướu tại Quận 9, kế hoạch vốn năm 1.534,8 tỷ đồng, 11 tháng ước đạt 258,4 tỷ đồng;

+ Bồi thường giải phóng mặt bằng kênh Hàng Bàng, kế hoạch vốn năm 500 tỷ đồng, 11 tháng ước đạt 480,2 tỷ đồng;

+ Vệ sinh môi trường nước TP. HCM (giai đoạn 2), kế hoạch vốn năm 1.400 tỷ đồng, 11 tháng ước đạt 688,5 tỷ đồng.

Tiến độ thực hiện nguồn vốn ngân sách tính đến thời điểm 11 tháng được chia theo nguồn và các chương trình mục tiêu sau:

– Nguồn vốn tập trung: kế hoạch vốn 22.626,3 tỷ đồng, 11 tháng ước thực hiện 17.475,5 tỷ đồng, so kế hoạch đạt 77,2%;

– Nguồn vốn phân cấp quận/huyện: các dự án được phân cấp cho quận/huyện có khối lượng thực hiện khá cao, cụ thể: kế hoạch vốn 2.462,6 tỷ đồng, 11 tháng ước thực hiện 1.950,2 tỷ đồng, so kế hoạch đạt 79,2%;

– Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế vùng: gồm 2 dự án là bờ tả sông Sài Gòn và dự án thí điểm nông thôn mới tại Củ Chi. Kế hoạch vốn 162 tỷ đồng, 11 tháng ước thực hiện 160 tỷ đồng, so kế hoạch đạt 98,7%;

– Chương trình đầu tư cho bệnh viện tuyến cuối: gồm 2 dự án là Bệnh viện ung bướu tại quận 9 và dự án xây dựng mới bệnh viện Nhi đồng Thành phố, kế hoạch vốn 2.880,2 tỷ đồng, 11 tháng ước thực hiện 562,3 tỷ đồng, so kế hoạch đạt 19,5%;

– Nguồn vốn ODA, kế hoạch vốn 7.748,6 tỷ đồng, 11 tháng ước thực hiện 3.018,8 tỷ đồng, so kế hoạch đạt 38,9%.

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm có sử dụng vốn ngân sách:

a. Xây dựng cầu vượt thép tại nút giao thông Nguyễn Thái Sơn – Nguyễn Kiệm: Hiện dự án tạm ngưng do vướng mặt bằng giải tỏa.

b. Xây dựng hầm chui tại nút giao thông An Swong: Đang thi công (giai đoạn 2) nhánh N2 phía đường Trường Chinh: Dự án đang chậm tiến độ, do phân giải phóng mặt bằng tại huyện Hóc Môn còn chậm.

c. Dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên:

– Đang thi công gói thầu đường hầm từ nhà hát Thành phố đến nhà ga Bến Thành;

– Tiếp tục hoàn thiện lắp ráp đường ray trên các đoạn đã hoàn chỉnh hạ tầng;

– Theo dự kiến khối lượng thực hiện toàn tuyến đạt trên 63%.

2. Tình hình cấp phép xây dựng nhà ở hộ dân cư

Tính đến ngày 31/10, toàn thành phố đã cấp 53.020 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 12.344,8 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 50.794 giấy phép, với diện tích 12.081,7 ngàn m² và 2.226 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 263,1 ngàn m².

So với cùng kỳ tăng 2,2% về giấy phép (+1.140 giấy phép) và tăng 23,2% về diện tích (+2.324,5 ngàn m²).

3. Tình hình cấp giấy phép đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 15/11/2018, thành phố đã có 914 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn với tổng vốn đăng ký đạt 733,1 triệu USD. Vốn tăng thêm của các dự án điều chỉnh vốn đầu tư là 685,3 triệu USD.

Tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng vốn đến ngày 15/11 là 1.418,4 triệu USD, bằng 48% so với cùng kỳ.

Góp vốn, mua cổ phần có 2.825 dự án với tổng vốn là 5.180,8 triệu USD, gấp đôi so với cùng kỳ.

Phân loại các dự án được cấp phép mới:

Theo loại hình đầu tư: hình thức 100% vốn nước ngoài có 817 dự án, vốn đầu tư đạt 677 triệu USD; liên doanh 95 dự án, vốn đầu tư đạt 55,9 triệu USD; hợp tác kinh doanh 2 dự án, vốn đầu tư 93,6 ngàn USD.

Theo ngành hoạt động: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 41 dự án, vốn đầu tư đạt 168,3 triệu USD, chiếm 23% trong tổng vốn được cấp phép mới; hoạt động kinh doanh bất động sản 33 dự án, vốn đầu tư đạt 128,6 triệu USD (chiếm 17,5%); thương nghiệp 353 dự án, vốn đầu tư 237,1 triệu USD (chiếm 32,3%); hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ 222 dự án, vốn đầu tư 81,6 triệu USD (chiếm 11,1%); thông tin truyền thông 140 dự án, vốn đầu tư đạt 39,7 triệu USD (chiếm 5,4%).

Theo đối tác đầu tư: đã có 57 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư; trong đó, Hàn Quốc dẫn đầu với 197 dự án, vốn đầu tư 198,4 triệu USD, chiếm 27,1% tổng vốn; kế đến là Singapore 128 dự án, vốn đầu tư 170,4 triệu USD (chiếm 23,3%); Nhật Bản 139 dự án, vốn đầu tư 86,3 triệu USD (chiếm 11,8%); Na Uy 3 dự án, vốn đầu tư 70,1 triệu USD (chiếm 9,6%); Hồng Kông 52 dự án, vốn đầu tư 45,4 triệu USD (chiếm 6,2%); British Virgin Islands 12 dự án, vốn đầu tư 29,7 triệu USD; Anh 19 dự án, vốn đầu tư 28,2 triệu USD; Hoa Kỳ 41 dự án, vốn đầu tư 26,5 triệu USD...

4. Doanh nghiệp thành lập mới

Từ đầu năm đến ngày 15/11/2018, Thành phố đã cấp phép cho 38.987 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký đạt 478.001 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm trước, số giấy phép tăng 5,3% và vốn giảm 3,6%. Trong đó, 9 ngành dịch vụ chủ yếu có số lượng giấy phép là 30.951, chiếm 79,4% trong tổng số, tăng 6,6% so với cùng kỳ; vốn đăng ký 364.798 tỷ đồng, chiếm 76,3%, giảm 10%.

Phân theo loại hình: Công ty TNHH 33.780 đơn vị, chiếm 86,6% trong tổng số, tăng 5,3% so với cùng kỳ; tổng vốn đăng ký đạt 211.578 tỷ đồng, giảm 18,4%. Công ty cổ phần có 4.808 đơn vị, tăng 8,0%; vốn đăng ký 266.095 tỷ đồng, tăng 12,7% so với cùng kỳ. Doanh nghiệp tư nhân có 391 đơn vị, vốn đăng ký đạt 313 tỷ đồng; số giấy phép giảm 22,9% và số vốn giảm 13,7%.

Phân theo khu vực:

– **Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản:** số lượng doanh nghiệp cấp phép là 173 đơn vị, giảm 13,9%; mặc dù vậy, vốn đăng ký đạt 6.096 tỷ đồng, gấp 2,6 lần so với cùng kỳ năm trước.

– **Khu vực công nghiệp, xây dựng:** cấp phép 7.863 doanh nghiệp, tăng 0,6% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 107.106 tỷ đồng, tăng 21,7%. Trong đó, ngành xây dựng có vốn chiếm 44,9% vốn tổng khu vực với 3.957 đơn vị, vốn đăng ký là 48.120 tỷ đồng, giảm 19,7% so với cùng kỳ; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có 3.682 đơn vị, giảm

5,1% và vốn chiếm 45,6%, đạt 48.886 tỷ đồng, tăng gấp 2,5 lần so với cùng kỳ năm trước.

– **Khu vực thương mại, dịch vụ:** cấp phép 30.951 doanh nghiệp, tăng 6,6% so với cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký đạt 364.798 tỷ đồng, giảm 10%. Trong đó, hoạt động kinh doanh bất động sản 2.844 đơn vị, tăng 27,8%; vốn đăng ký 199.894 tỷ đồng, chiếm 54,8% tổng vốn khu vực này, giảm 4,7%. Thương nghiệp có 14.892 doanh nghiệp, tăng 5,7%; vốn đăng ký đạt 75.653 tỷ đồng (chiếm 20,7%), giảm 3,0%. Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ 3.784 doanh nghiệp, vốn đăng ký 23.873 tỷ đồng; so với cùng kỳ năm trước, số giấy phép tăng 6,8%, vốn đăng ký giảm 29,3%.

IV. NỘI THƯƠNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ

1. Nội thương

Tháng 11 là thời gian bắt đầu vào mùa mua sắm cuối năm, các đơn vị bán lẻ có nhiều chương trình khuyến mãi nhằm giải phóng hàng tồn và hoàn tất kế hoạch năm. Đặc biệt, trong tháng có ngày Black Friday, đây là một trong những ngày hội mua sắm lớn tại nước ngoài. Hiện nay, ngày hội này ngày càng phổ biến tại Việt Nam và được rất nhiều đơn vị bán lẻ trong nước triển khai với các chương trình giảm giá tại cửa hàng và kênh thương mại điện tử, thu hút đông đảo người tiêu dùng mua sắm.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 11 dự ước đạt 92.514 tỷ đồng, tăng 1,6% so với tháng trước và tăng 11,3% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu bán lẻ là 59.449 tỷ đồng, lần lượt có mức tăng là 2% so với tháng trước và tăng 11,9% so với tháng cùng kỳ; dịch vụ lưu trú và ăn uống 9.995 tỷ đồng, tăng 2,2% và tăng 16,7%; du lịch, lữ hành 2.335 tỷ đồng, tăng 1,3% và 13,1%; dịch vụ tiêu dùng khác ước đạt 20.735 tỷ đồng, tăng 0,2% và tăng 7,1%.

Lũy kế 11 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 954.341 tỷ đồng, tăng 12,9% so với cùng kỳ năm trước.

* **Chia theo thành phần kinh tế:** kinh tế nhà nước ước đạt 60.284 tỷ đồng, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm trước; kinh tế ngoài nhà nước đạt 752.121 tỷ đồng, tăng 12,9%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 141.936 tỷ đồng, tăng 19,2%.

* **Chia theo ngành kinh tế:**

– **Thương nghiệp:** ước đạt 611.624 tỷ đồng, tăng 13,2% so với cùng kỳ. Trong đó, nhóm hàng lương thực, thực phẩm ước đạt 102.774 tỷ đồng, tăng 11,2%; nhóm đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình đạt 116.119 tỷ đồng, tăng 13,2%; xăng dầu các loại đạt 52.110 tỷ đồng, tăng 12,8%; nhóm hàng may mặc đạt 40.037 tỷ đồng, tăng 10,7%.

– **Dịch vụ lưu trú và ăn uống:** ước đạt 104.891 tỷ đồng, tăng 14,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, dịch vụ ăn uống 92.753 tỷ đồng, tăng 14,6%; dịch vụ lưu trú 12.138 tỷ đồng, tăng 14,5%.

– **Du lịch, lữ hành:** ước đạt 21.229 tỷ đồng, tăng 17,7% so với cùng kỳ năm trước.

– **Dịch vụ tiêu dùng khác:** doanh thu ước đạt 216.597 tỷ đồng, tăng 11,0% so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 129.041 tỷ đồng, tăng 10,9% so với cùng kỳ.

2. Chỉ số giá

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11/2018 giảm 0,25% so với tháng trước. Trong đó có **7/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm so với tháng trước:** nhóm đồ uống và thuốc lá (-0,01%); nhóm nhà ở điện nước (-0,26%); nhóm thiết bị đồ dùng gia đình (-0,03%); nhóm thuốc và dịch vụ y tế (-0,02%); nhóm giao thông (-2,09%); nhóm bưu chính viễn thông (-0,11%); nhóm văn hóa giải trí du lịch (-0,01%). Có **1/11 nhóm tăng** là nhóm may mặc mũ nón giày dép tăng 0,03%. **3/11 nhóm không đổi** gồm nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống; nhóm giáo dục; và nhóm hàng hóa và dịch vụ khác.

Diễn biến giá một số nhóm ngành cụ thể như sau:

Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống không biến động so tháng trước. Trong đó:

– Nhóm lương thực tăng 0,05% so với tháng trước. Nếu so với đầu năm, chỉ số nhóm lương thực đã tăng 0,94%; trong đó, gạo các loại (+2,75%), bột mì và ngũ cốc (+1,52%), lương thực chế biến (-4,96%).

– Nhóm thực phẩm giảm nhẹ 0,12% so tháng trước. Trong đó, các nhóm mặt hàng biến động giảm so tháng trước như thịt heo (-1,75%), thịt bò (-0,95%), trứng các loại (-1,16%), thủy sản chế biến (-0,22%), thịt chế biến (-0,26%). Bên cạnh đó một số nhóm mặt hàng tăng so tháng trước như gia cầm tươi sống các loại (+0,10%), dầu mỡ ăn các loại (+0,13%), thủy sản tươi sống (+0,60%), đậu hạt các loại (+0,80%), rau tươi, khô các loại (+0,68%), trái cây các loại (+0,17%). Nếu so với đầu năm, giá nhóm thực phẩm tăng 3,65%, bình quân một tháng tăng xấp xỉ 0,33%.

– Nhóm hàng ăn uống ngoài gia đình tăng nhẹ 0,19% so tháng trước.

Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt, VLXD giảm 0,26% so tháng trước, chủ yếu là do giá gas, dầu hỏa giảm mạnh so tháng trước, với mức giảm bình quân lần lượt là 5,99% và 1,03%; còn lại các mặt hàng khác không biến động nhiều.

Nhóm giao thông giảm 2,09% so tháng trước chủ yếu do giá xăng dầu bình quân giảm 4,19%, riêng giá vé tàu hỏa tăng 0,89% so tháng trước..

CPI tháng 11/2018 tăng 2,94% so với tháng 12/2017 và tăng 2,98% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 11 tháng năm 2018 tăng 2,99% so với bình quân cùng kỳ năm 2017.

Chỉ số giá vàng tháng 11/2018 tăng 0,03% so với tháng trước; tăng 0,12% so với tháng 12/2017 và tăng 0,01% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 11/2018 giảm 0,04% so với tháng trước; tăng 2,73% so với tháng 12/2017 và tăng 2,73% so với cùng kỳ năm 2017.

V. VẬN TẢI

Tổng doanh thu vận chuyển hàng hóa, hành khách và bốc xếp tháng 11 ước đạt 10.132,2 tỷ đồng, tăng 2,9% so với tháng trước, so với tháng cùng kỳ tăng 13,4%. Ước tính 11 tháng 100.990,3 tỷ đồng, tăng 12,8% so cùng kỳ 2017.

– **Vận tải hàng hóa:** Doanh thu tháng 11 ước đạt 6.332,6 tỷ đồng, tăng 3,0% so tháng trước. Luỹ kế 11 tháng ước 60.881,7 tỷ đồng, tăng 7,6% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 92,9%, tăng 7,0% so cùng kỳ; kinh tế nhà nước chiếm 6,4%, tăng 12,1% so cùng kỳ; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 0,7%, tăng 56,0%.

Doanh thu vận tải hàng hóa đường bộ 11 tháng chiếm tỷ trọng 60,4%, tăng 4,8% so cùng kỳ; đường biển chiếm tỷ trọng 29,6%, tăng 14,0% so cùng kỳ; đường sông chiếm tỷ trọng 9,8%, tăng 6,4%.

– **Vận tải hành khách:** Doanh thu tháng 11 ước 2.593,3 tỷ đồng, tăng 2,7% so tháng trước. Mười một tháng ước đạt 26.877,8 tỷ đồng, tăng 40,5% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 75,6%, tăng 44,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 23,2%, tăng 30,2%.

Doanh thu vận tải hành khách đường bộ 11 tháng chiếm tỷ trọng 76,8%, tăng 43,3% so cùng kỳ; đường hàng không chiếm tỷ trọng 21,9%, tăng 32,9% so cùng kỳ; đường sông chiếm tỷ trọng 1,2%, bằng 98%.

– **Bốc xếp:** Doanh thu tháng 11 ước đạt 1.206,3 tỷ đồng, tăng 2,9% so tháng trước. Mười một tháng ước 13.230,7 tỷ đồng, tăng 22,6% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 58%, bằng 73,6 % so cùng kỳ; kinh tế nhà nước chiếm 42%, tăng 0,5% so cùng kỳ.

VI. TÀI CHÍNH

1. Ngân sách

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước 11 tháng năm 2018 ước thực hiện 333.282 tỷ đồng, đạt 88,5% dự toán, tăng 10,1% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 214.613 tỷ đồng, đạt 83,8% dự toán, tăng 11,7% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 21.870 tỷ đồng, đạt 174,0% dự toán, tăng 47,3% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 96.700 tỷ đồng, đạt 89,5% dự toán, tăng 1,0% so cùng kỳ.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2018 (Tỷ đồng)		% thực hiện 11 tháng so với	
	Dự toán	Ước TH 11 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2017
Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước	376.780	333.282	88,5	110,1
I- Thu nội địa	256.210	214.613	83,8	111,7
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	26.000	22.598	86,9	116,3
2. Khu vực ngoài nhà nước	64.000	54.482	85,1	122,3
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	75.110	55.862	74,4	107,9
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	108.000	96.700	89,5	101,0
III- Thu từ dầu thô	12.570	21.870	174,0	147,3

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 10,5% tổng thu nội địa, tăng 16,3% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương ước thực hiện 15.638 tỷ đồng, đạt 85,0% dự toán, tăng 12,6% so cùng kỳ; Nhà nước địa phương ước thực hiện 6.960 tỷ đồng, đạt 91,6% dự toán, tăng 25,6% so cùng kỳ. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 54.482 tỷ đồng, đạt 85,1% dự toán, tăng 22,3% so cùng kỳ. Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 55.862 tỷ đồng, đạt 74,4% dự toán, tăng 7,9% so cùng kỳ.

Thu cân đối ngân sách địa phương 11 tháng năm 2018 ước thực hiện 67.800 tỷ đồng, đạt 87,3% dự toán, tăng 3,9% so cùng kỳ năm 2017.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 11 tháng năm 2018 ước thực hiện 51.311 tỷ đồng, đạt 59,1% dự toán, tăng 11,4% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2018 (Tỷ đồng)		% thực hiện 11 tháng so với	
	Dự toán	Ước TH 11 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2017
Tổng chi (trừ tạm ứng)	86.866	51.311	59,1	111,4
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	36.165	19.314	53,4	128,1
II- Chi thường xuyên	36.500	28.465	78,0	109,3
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	6.278	4.486	71,4	121,1
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	11.264	8.265	73,4	107,9
Sự nghiệp y tế	2.176	1.893	87,0	89,4
Quản lý hành chính	6.362	4.957	77,9	107,3

Chi đầu tư phát triển 19.314 tỷ đồng, đạt 53,4% dự toán, tăng 28,1% so cùng kỳ. Chi thường xuyên 28.465 tỷ đồng, đạt 78,0% dự toán, tăng 9,3% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 4.486 tỷ đồng, đạt 71,4% dự toán, tăng 21,1%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 8.265 tỷ đồng, đạt 73,4% dự toán, tăng 7,9%; chi sự nghiệp y tế 1.893 tỷ đồng, đạt 87,0% dự toán, giảm 10,6%; chi quản lý hành chính 4.957 tỷ đồng, đạt 77,9% dự toán, tăng 7,3% so cùng kỳ 2017.

2. Ngân hàng

Hoạt động ngân hàng trên địa bàn thành phố 11 tháng đầu năm đạt được những kết quả tăng trưởng tích cực, tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ cho doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh. Nguồn vốn huy động trên địa bàn vẫn đảm bảo tính ổn định cao, tạo nền tảng để tăng trưởng tín dụng tích cực. Dư nợ tín dụng có tốc độ tăng trưởng cao, các tổ chức tín dụng trên địa bàn đều tham gia tích cực các chương trình tín dụng của chính phủ, ngân hàng trung ương, UBND thành phố đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế.

Tổng vốn huy động đến đầu tháng 11 đạt 2.161,03 ngàn tỷ đồng, giảm nhẹ so với tháng trước 0,17% (chỉ số này của tháng trước: +0,98%); tuy nhiên tăng 9,19%

so với tháng cùng kỳ. Trong đó, vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 51,67% tổng vốn huy động, tăng 9,34% so tháng cùng kỳ. Tiền gửi tiết kiệm chiếm tỷ trọng 47,7% tổng vốn huy động, tăng 3,11% so với tháng cùng kỳ.

Theo loại tiền gửi, vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 11,83%, tăng 9,74% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ tiếp tục tăng trưởng nhanh và chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng nguồn vốn, chiếm 88,17%; tăng 9,12% so tháng cùng kỳ.

Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 11 đạt 1.986,93 ngàn tỷ đồng, tăng 16,64% so với tháng cùng kỳ và tăng 12,81% so với tháng 12/2017. Trong đó, dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 1.030,99 ngàn tỷ đồng, chiếm 51,89% tổng dư nợ, tăng 13,3% so tháng cùng kỳ. Dự ước dư nợ tín dụng tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao so với các năm trước giúp cho doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận nguồn vốn vay góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế.

Theo loại tiền, dư nợ bằng ngoại tệ đạt 159,18 ngàn tỷ đồng, chiếm 8,01% tổng dư nợ, giảm 4,42% so với cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 1.827,77 ngàn tỷ đồng, chiếm 91,99% tổng dư nợ, tăng 18,25% so với tháng cùng kỳ.

3. Chứng khoán

Đến cuối tháng 10 năm 2018, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 374 gồm 369 mã cổ phiếu, 3 mã chứng chỉ quỹ và 2 mã quỹ ETF; tăng 4 mã cổ phiếu so với cuối tháng trước (ngày 03/10 mã cổ phiếu PHC của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings giao dịch phiên đầu tiên; ngày 12/10 mã cổ phiếu LMH của Công ty Cổ phần Landmark Holding giao dịch phiên đầu tiên; ngày 18/10 mã cổ phiếu FIR của Công ty Cổ phần Địa ốc First Real giao dịch phiên đầu tiên; ngày 24/10 mã cổ phiếu TDM của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một giao dịch phiên đầu tiên; các mã trái phiếu mới phát sinh giao dịch trong tháng này: VHM11726, VHM11801, VHM11802 của Công ty Cổ phần Vinhomes; CII11803 của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM).

Giá trị vốn hóa thị trường là 2.938.857 tỷ đồng, tăng 12,42% so với cuối năm 2017. Trong tháng 10/2018 có 23 phiên giao dịch, 8 phiên tăng điểm và 15 phiên giảm điểm. Số phiên giảm điểm gần gấp đôi số phiên tăng điểm đã kéo VN-Index xuống mức thấp nhất kể từ đầu năm vào các ngày 29 và 30. Đến cuối tháng 10/2018, VN-Index đạt 914,76 điểm, giảm 7,06% (tương ứng giảm 69,48 điểm) so với cuối năm 2017.

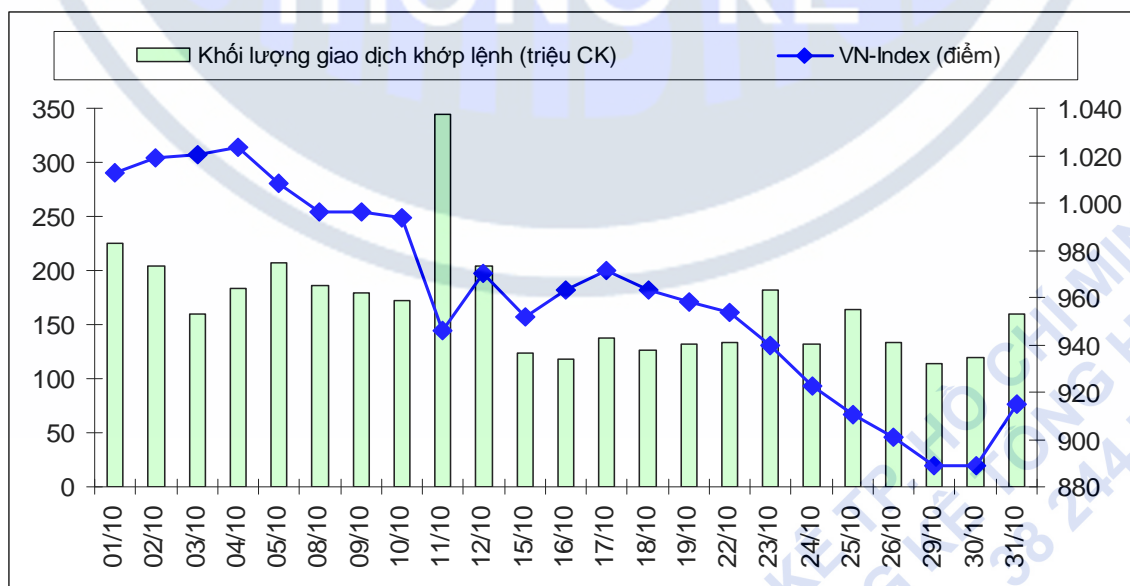
Đến cuối tháng 10/2018, VN-Index đạt giá trị thấp nhất vào ngày 30/10 với 888,69 điểm và đạt giá trị cao nhất vào ngày 09/04 với 1.204,33 điểm.

Khối lượng giao dịch trong tháng 10/2018 đạt 4.522,48 triệu chứng khoán, tăng 17,01% so với tháng trước. Giá trị giao dịch trong tháng đạt 121.442,64 tỷ đồng, tăng 35,78% so tháng trước. Trung bình mỗi phiên có 196,63 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 5.280,11 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên giảm 3,34% và giá trị giao dịch tăng 12,16% so với tháng trước.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 10/2018	10 tháng năm 2018	Tháng 10 so tháng 09	10 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	4.522,48	42.910,46	117,01	111,48
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	4.448,78	42.214,04	116,18	110,37
Trái phiếu	51,44	246,65	208,83	199,81
Chứng chỉ quỹ & ETF	22,26	449,77	199,82	374,47
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	3.837,54	36.622,79	113,64	105,52
Giao dịch thỏa thuận	684,94	6.287,67	140,38	166,17
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	121.442,64	1.215.242,88	135,78	153,50
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	115.834,95	1.182.199,13	133,57	152,08
Trái phiếu	5.266,15	25.419,56	206,35	198,19
Chứng chỉ quỹ & ETF	341,54	7.624,19	200,06	502,67
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	84.698,29	943.675,15	113,45	139,34
Giao dịch thỏa thuận	36.744,35	271.567,73	248,48	237,25

Đồ thị VN-Index tháng 10/2018 trên SGDCK TP.HCM



Cập nhật đến ngày 15/11/2018, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 375. Giá trị vốn hóa thị trường là 2.883.687 tỷ đồng, tăng 10,31% so với cuối năm trước; VN-Index đạt 897,15 điểm, giảm 87,09 điểm (tương ứng giảm 8,85%) so với cuối năm 2017.

B. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

I. Trật tự an toàn xã hội (từ ngày 16/9/2018 đến ngày 15/10/2018)

1. Vi phạm kinh tế, môi trường

Lĩnh vực kinh tế: khám phá 104 vụ, 109 đối tượng vi phạm gồm: kinh doanh hàng hóa không có hóa đơn chứng từ, không rõ nguồn gốc xuất xứ không tem phụ 18 vụ, 18 đối tượng; vận chuyển, kinh doanh hàng ngoại nhập lậu 28 vụ, 30 đối tượng; vận chuyển, tàng trữ, kinh doanh hàng cấm (thuốc lá điếu) 20 vụ, 17 đối tượng; kinh doanh không phép, không đúng nơi đăng ký kinh doanh, không đúng thời gian quy định 15 vụ, 15 đối tượng; sản xuất, kinh doanh hàng giả nhãn hiệu các loại, hàng kém chất lượng 11 vụ, 11 đối tượng; lừa đảo chiếm đoạt tài sản 02 vụ, 03 đối tượng và vi phạm khác 10 vụ, 15 đối tượng.

Đã khởi tố 86 vụ, 08 đối tượng; đề nghị truy tố 11 vụ, 28 người vi phạm. Thu giữ nhiều loại hàng hóa trị giá khoảng 3,3 tỷ đồng.

Lĩnh vực môi trường: lập 48 biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm, thú y, thức ăn chăn nuôi; đề xuất và ban hành 36 quyết định xử phạt hành chính với tổng số tiền hơn 4,4 tỷ đồng.

2. Phạm pháp hình sự: xảy ra 462 vụ phạm pháp hình sự giảm 2,1% (-10 vụ) so với cùng kỳ năm trước; làm chết 09 người, bị thương 60 người, thiệt hại tài sản trị giá khoảng 27,9 tỷ đồng.

Tình hình phạm pháp hình sự kéo giảm, có 03 loại án được kéo giảm gồm: cướp tài sản 11 vụ (-08 vụ); hiếp dâm 01 vụ (-02 vụ); trộm tài sản 242 vụ (-52 vụ). Tuy nhiên, có 08 loại án tăng gồm: giết người 09 vụ (+01 vụ); giao cấu trẻ em 03 vụ (+01 vụ); cưỡng đoạt tài sản 06 vụ (+03 vụ); cố ý gây thương tích 48 vụ (+09 vụ); bắt giữ người trái pháp luật 03 vụ (+02 vụ); cướp giật tài sản 84 vụ (+18 vụ); lừa đảo chiếm đoạt tài sản 36 vụ (+13 vụ); và án khác 17 vụ (+06 vụ).

3. Phòng chống tệ nạn xã hội

Ma túy: khám phá 132 vụ, bắt 313 người vi phạm; khởi tố 119 vụ với 159 người vi phạm.

Mại dâm và tệ nạn xã hội khác: phát hiện, xử lý 01 vụ với 02 đối tượng hoạt động môi giới mại dâm.

Cờ bạc, cá độ: phát hiện, xử lý 19 vụ cờ bạc với 95 người tham gia, thu giữ khoảng 108 triệu đồng và nhiều hiện vật.

4. Trật tự an toàn giao thông

Tai nạn giao thông đường bộ: xảy ra 339 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 51 người, bị thương 236 người; trong đó xảy ra 58 vụ tai nạn giao thông đường bộ từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 14,7% (-10 vụ) so với cùng kỳ năm trước, làm chết 51 người giảm 13,6% (-08 người), làm bị thương nặng 21 tăng 16,7% (+03 người) và 281 vụ va chạm, làm bị thương nhẹ 215 người, hư hỏng 441 xe các loại.

Tai nạn giao thông đường thủy: đã kiểm tra 2.964 phương tiện, phát hiện xử lý 2.843 trường hợp vi phạm và ra quyết định xử phạt khoảng hơn 1 tỷ đồng. Không xảy ra va chạm trên tuyến thủy nội địa.

Tai nạn giao thông đường sắt: không xảy ra tai nạn giao thông đường sắt.

5. Về tình hình cháy, nổ

Tình hình cháy: trên địa bàn thành phố đã xảy ra 38 vụ cháy, so với cùng kỳ năm trước giảm 47,9% (-35 vụ); không thiệt hại về người, thiệt hại về tài sản chưa xác định. Nguyên nhân gây cháy phổ biến nhất: sự cố hệ thống, thiết bị điện sinh hoạt.

Tình hình nổ: trong tháng trên địa bàn thành phố không xảy ra vụ nổ nào.

II. Tình hình giải quyết việc làm

Từ ngày 01/10/2018 đến ngày 30/10/2018, hệ thống đơn vị dịch vụ việc làm đã giải quyết việc làm cho 23.412 lao động vào làm việc và 4.218 chỗ việc làm mới tạo ra.

Tính đến ngày 30/10/2018, đã có 300.107 lượt người được giải quyết việc làm, đạt 100,04 % kế hoạch năm và 133.264 chỗ việc làm mới được tạo ra, đạt 102,51% kế hoạch năm.

Tình hình về chính sách bảo hiểm thất nghiệp:

Tính đến ngày 30/10/2018, trên địa bàn thành phố có 131.846 người nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp; 129.133 người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp; 141.655 người thất nghiệp được tư vấn, giới thiệu việc làm, 22.453 người có việc làm.

Từ ngày 01/9/2018 đến ngày 30/9/2018, trên địa bàn thành phố có 12.293 người nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp (10 tháng đầu năm là 121.623 người); 13.453 người người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp (10 tháng đầu năm là 117.033 người); 16.463 người thất nghiệp được tư vấn, giới thiệu việc làm, trong đó có 8.722 nữ (10 tháng đầu năm là 125.902 người), 9.053 người có việc làm, trong đó có 4.799 nữ; 62 bộ đội xuất ngũ (10 tháng đầu năm là 22.453 người).

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 11 và 11 tháng năm 2018.

CỤC THỐNG KÊ TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG THỐNG KÊ TỔNG HỢP
ĐT: 38 299 838, 38 244 733